TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03-6-2020
V/v tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Châu.

Ông Huỳnh Văn Miên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thanh Kiều N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Kiều N trình bày:

Chị Nguyễn Thanh Kiều N và anh Trần Văn T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2009, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian

sống chung như vợ chồng, chị N và anh T có một con chung tên Trần Nguyễn Gia V, sinh ngày 07/3/2011, hiện nay cháu V đang sống chung với chị N. Đến cuối năm 2015, do phát sinh mâu thuẫn nên chị N và anh T không còn chung sống với nhau cho đến nay.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có.

Nay chị Nguyễn Thanh Kiều N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh Kiều N yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị N và anh Trần Văn T là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Nguyễn Gia V, sinh ngày 07/3/2011 đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 54/TB-TLVA ngày 11 tháng 02 năm 2020, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Trần Văn T, nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với anh T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh T trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thanh Kiều N và anh Trần Văn T là quan hệ vợ chồng; về con chung giao cháu Trần Nguyễn Gia V, sinh ngày 07/3/2011 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ là vợ chồng nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thanh Kiều N cư trú tại ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, anh Trần Văn T cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T, yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Chị N đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú đã thụ lý đơn và thông báo cho chị N nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị N đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị N là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn T. Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Kiều N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Kiều N.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh Kiều N, sinh năm 1983 và anh Trần Văn T, sinh năm 1981 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên đến cuối năm 2015, chị N và anh T không còn chung sống với nhau cho đến nay. Do tình cảm không còn nên chị N đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị N và anh T là quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ giữa chị N và anh T không phải là quan hệ vợ chồng.

[5] Về con chung: Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 02 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Kiều N trình bày và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Gia V, sinh ngày 07/3/2011 đến tuổi thành niên. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu V đang

sống chung với chị N và tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 02 tháng 3 năm 2020, cháu V có nguyện vọng được sống chung với chị N nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao cháu V cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị N.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Nguyễn Thanh Kiều N là người có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận là quan hệ vợ chồng nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thanh Kiều N và anh Trần Văn T.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thanh Kiều N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thanh Kiều N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh Kiều N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/ 0000422 ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Nguyễn Thanh Kiều N đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn